HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2006 – 2012, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

• ThS. Nguyễn Hữu Gọn (*)

Tóm tắt

Trường đại học có có 3 nhiệm vụ chính: giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng, trong đó giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ cơ bản. Với tầm quan trọng như vậy, chúng tôi đã nghiên cứu và đánh giá thực trạng hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên tại Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) giai đoạn 2006 - 2012. Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên Trường ĐHĐT ngày càng hiệu quả hơn.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học, Đại học Đồng Tháp

1. Đặt vấn đề

Trường ĐHĐT là trường đại học đa ngành, là trung tâm NCKH phục vụ cho công tác đào tạo trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long góp phần hoạch định chính sách kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương. Trường sẽ là một trong những cái nôi của các công trình nghiên cứu (NC) lớn về kinh tế, về văn hóa - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long , đặc biệt là ở Đồng Tháp. Trường đã có nhiều đóng góp trong việc đào tạo cán bộ khoa học, giáo viên phổ thông các cấp cho tỉnh Đồng Tháp và vùng Đồng bằng sông Cửu Long , tư vấn cho các tổ chức vùng, địa phương và các doanh nghiệp về đào tạo cũng như sử dụng nguồn nhân lực.

Từ khi được thành lập đến nay, Trường ĐHĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo mọi điều kiện thuận lợi về thực hiện nhiệm vụ NCKH, đồng thời với sự hợp tác có hiệu quả của các cơ quan khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh Đồng Tháp, hoạt động NCKH của Trường đã được tổ chức thực hiện một cách sáng tạo, với nhiều đổi mới trong quy trình quản lý, mang lại hiệu quả thiết thực đối với sự nghiệp đào tạo và tăng cường sự đóng góp của Nhà trường với địa phương, góp phần không ngừng củng cố và nâng cao vị thế của Nhà trường. Bên cạnh đó, cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng, hoạt động NCKH, đào tạo của Trường thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, yếu kém cần sớm khắc phục.

Đánh giá được và đúng thực trạng, thành tựu chủ yếu của hoạt động NCKH từ năm 2006 đến nay, đồng thời nhận định về những hạn chế và phân tích các nguyên nhân, những vấn đề

(*) Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Đồng Tháp.

cần rút kinh nghiệm và định hướng cho những năm tiếp theo của Trường ĐHĐT là một vấn đề cần thiết và có ý nghĩa trong tình hình hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHĐT

2.1.1. Thực trạng về nguồn lực phục vụ hoạt động NCKH

Nguồn lực là nhân tố nền tảng quan trọng nhất quyết định thành quả của hoạt động NCKH. Nguồn lực này bao gồm nguồn nhân lực, nguồn vật lực, nguồn tài lực và nguồn thông tin phục vụ NCKH. Hiện trạng các nguồn lực đó ở Trường ĐHĐT như sau:

a. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của Nhà trường là lực lượng cán bộ, giảng viên (CBGV), nhân viên với năng lực chuyên môn của từng người tham gia vào các hoạt động của Nhà trường.

Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, là vốn quý nhất để phát triển Nhà trường. Nhà trường cần tập hợp, tạo cơ hội cho mọi thành viên phát huy hết khả năng vào hoạt động của trường, huy động được nguồn lực lớn nhất cho sự phát triển của Nhà trường.

Bảng 1. Tổng hợp số lượng CBGV theo từng năm

(Tính đến 31/12/2012)

TT	Năm	Tổng số	Trình độ chuyên môn				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	Khác
1	2006	329	1	54	190	47	37
2	2007	434	3	140	216	40	35
3	2008	492	8	158	259	34	33
4	2009	572	12	169	330	29	32
5	2010	577	20	176	310	40	31
6	2011	583	24	242	267	20	30
7	2012	579	30	254	251	17	27

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Cán bộ, Trường ĐHĐT)

Bảng 2. Phân tích cơ cấu độ tuổi và giới tính của CBGV

(Tính đến 31/12/2012)

TT	Phân tích cơ cấu	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số cán bộ, giảng viên toàn trường	579	100.00%
2	Tổng số cán bộ quản lý	75	12.95%
3	Tổng số nam	285	49.23%

4	Tổng số nữ	294	50.77%
5	Tuổi từ 55 trở lên	18	3.10%
6	Tuổi từ 50 -54	37	6.39%
7	Tuổi từ 40 – 49	76	13.13%
8	Tuổi từ 30 – 39	184	31.78%
9	Tuổi dưới 30	264	45.60%

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Cán bộ, Trường ĐHĐT)

Trường ĐHĐT có đội ngũ CBGV đông (579 CBGV). Trình độ chuyên môn của CBGV vừa là yếu tố phản ánh khả năng trí tuệ vừa là điều kiện, động lực phát triển giáo dục và đào tạo nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời là yếu tố quyết định sứ mạng của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay. Tỷ lệ CBGV có trình độ tiến sĩ có 30 người (5.18%), thạc sĩ có 254 người (43.87%), đại học có 251 người (43.35%) tỷ lệ còn thấp so với mức bình quân cả nước.

Trường ĐHĐT có lực lượng trẻ, cụ thể như lực lượng dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ 45.60% (264 người), Từ 30 đến 39 tuổi chiếm tỉ lệ 31.78% (184 người), Từ 40 đến 49 tuổi chiếm tỉ lệ 13.13% (76 người), từ 50 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ 9.49% (55 người). CBGV trẻ của Nhà trường có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể có 68 người đang học cao học và 46 người đang nghiên cứu sinh.

Nhìn chung, CBGV của Trường ĐHĐT có số lượng lớn, cơ cấu ngành được đào tạo phong phú, trình độ đào tạo chuyên môn tương đối cao. Hàng năm luôn có lực lượng CBGV trẻ đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn bổ sung, thay thế người về hưu. Nhà trường có một số người có học vị tiến sỹ và nhiều CBGV giàu kinh nghiệm nghề nghiệp làm nòng cốt cho hoạt động NCKH. Đại đa số CBGV đều có lương tâm, trách nhiệm nghề nghiệp, cần cù chịu khó trong công tác. Các thế hệ đều có những người giỏi đóng góp đáng kể trong hoạt động NCKH, tạo dựng được uy tín trong đồng nghiệp và nhân dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số CBGV còn có tư tưởng, tác phong làm việc mang nhiều dấu ấn tiểu nông, chưa quen với nhịp sống công nghiệp hiện đại. Thói quen trì trệ, thủ cựu cố hữu, ngại thay đổi vẫn phổ biến, nhất là ở một số người cao tuổi. Nhiều người khó thích ứng với những phương pháp và phong cách làm việc mới. Đa số CBGV mới chỉ giỏi về kiến thức lý thuyết nhưng hạn chế về kỹ năng thực hành, nhất là những kỹ năng thực hành kỹ thuật công nghệ cao như tiến hành các thí nghiệm hiện đại, sử dụng các trang thiết bị công nghệ mới như dùng máy tính, khai thác mạng internet, các thiết bị multimedia phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

b. Nguồn vật lực

Hiện nay, Trường ĐHĐT đang sử dụng 128.820m^2 đất, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã cấp thêm cho Nhà trường 420.000m^2 nối liền với diện tích đất đang sử dụng. Trong 128.820m^2 đất hiện đang sử dụng đã có 38.745,04m^2 được xây dựng các giảng đường, phòng làm việc, phòng học, phòng bộ môn được trang bị các phương tiện hiện đại, đáp ứng được nhu cầu hoạt động NCKH, giảng dạy và học tập của CBGV và sinh viên trong Nhà trường.

Nhà trường đã đầu tư mạnh cơ sở vật chất phục vụ thí nghiệm, thực hành cụ thể như sau: 1 phòng đo đạc và thí nghiệm đất; 4 phòng thí nghiệm sinh học; 5 phòng thí nghiệm hoá học; 7 phòng thí nghiệm vật lý và thực hành cơ khí; 13 phòng máy tính *(khoảng 580 máy tính được nối mạng internet phục vụ công tác đào tạo chuyên ngành);* 5 phòng thực hành âm nhạc; 2 phòng học trực tuyến ngoại ngữ; 1 vườn thí nghiệm sinh vật *(khoảng 720m^2).*

Nhìn chung, cơ sở vật chất hiện nay của Nhà trường đã đáp ứng những yêu cầu cơ bản ban đầu cho CBGV trong hoạt động NCKH. CBGV có thể có đủ điều kiện để tiến hành các nghiên cứu về lý thuyết, không đòi hỏi nhiều các thí nghiệm, các hoạt động thực hành kỹ thuật công nghệ cao. Tuy vậy, với yêu cầu ngày càng cao trong xu thế hiện đại hoá các nhà trường thì nguồn vật lực của Trường ĐHĐT vẫn còn nhiều hạn chế.

c. Nguồn tài lực

Bảng 3. Bảng thống kê kinh phí chi cho hoạt động KHCN (2006 – 2012)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Kinh phí chi cho KHCN		Tổng
		Kinh phí của Bộ	Kinh phí của Trường	
1	2006	876	340	1.216
2	2007	215	81	296
3	2008	510	246	756
4	2009	1.158	249	1.407
5	2010	1.007	278	1.285
6	2011	1.385	475	1.860
7	2012	2.765	472	3.237
Tổng cộng		**7.916**	**2.141**	**10.075**

(Nguồn: Phòng NCKH, Trường ĐHĐT)

Nhìn chung, trong các năm qua, tuy nguồn tài chính còn nhiều khó khăn nhưng Nhà trường đã phân bổ chi tiêu hợp lí, đáp ứng nhu cầu tối thiểu phục vụ nhiệm vụ KH&CN của Nhà trường. Nhà trường quản lý tài chính chặt chẽ, thống nhất và tập trung thông qua Phòng Tài chính - Kế toán quản lý nên không để xảy ra thất thoát, tiêu cực tạo niềm tin cho CBGV. Hàng năm, Nhà trường đều ghi rõ các giải pháp tạo nguồn thu trong kế hoạch năm học và định hướng chi trong năm giúp các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN của đơn vị. Tuy nhiên, nguồn thu từ kinh phí nghiên cứu và ứng dụng KH&CN chưa đáng kể nên kinh phí hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng KH còn hạn chế, mới chủ yếu dựa vào ngân sách được cấp.

d. Nguồn tin lực

Hiện nay, Nhà trường có thư viện với diện tích 1.250m^2 với hệ thống quản lý, tra cứu, tìm kiếm tài liệu tự động, có phòng internet thư viện, phòng đọc 300m^2, ánh sáng 250 lux,

hơn 35.450 đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành với hơn 55.000 bản, được cập nhật thường xuyên, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của CBGV trong Nhà trường.

Trường ĐHĐT đã tiến hành việc tổ chức xuất bản Thông tin Khoa học và Tạp chí Khoa học của Nhà trường. Tính đến nay, đã có ba số Thông tin Khoa học, bốn số Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp được xuất bản, để phổ biến các chủ trương, kế hoạch hoạt động nghiên cứu của Trường và đăng tải các công trình nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của CBGV cũng như truyền đạt thông tin khoa học bổ ích.

Nhà trường rất quan tâm về hạ tầng công nghệ thông tin cụ thể như: đầu tư xây dựng website của Nhà trường để phục vụ đào tạo, NCKH và đối ngoại; sử dụng 2 đường truyền internet có tốc độ cao *(đường Leased line tốc độ 20 Mbps và đường FTTH (ADSL) tốc độ 50 Mbps);* 1 mạng máy tính nội bộ có kết nối internet; 1 phòng máy tính 40 máy nối mạng dành riêng cho CBGV.

Nhìn chung, Nhà trường đã có những cải thiện về xây dựng kết cấu hạ tầng đảm bảo việc cung cấp, xử lý thông tin phục vụ hoạt động NCKH. Những thông tin chính thức, có tính chất pháp lý như về chủ trương, kế hoạch công tác, các quy chế, quy định đã thông suốt trong bộ máy quản lý của Nhà trường. Các thông tin nguyên liệu đầu vào cho hoạt động NCKH cũng đã tạo điều kiện nhất định cho CBGV tham gia NCKH. Công nghệ thông tin, máy móc hiện đại bước đầu đã được sử dụng để trao đổi thông tin. Tuy nhiên, vẫn còn một số cán bộ quản lý không có thói quen làm việc theo dây chuyền công nghệ nên sử dụng thông tin trong quản lý chưa hiệu quả. Công tác lưu trữ thông tin còn bị xem nhẹ. Nhà trường hầu như không lưu trữ cơ sở dữ liệu tập trung khi tiến hành các khảo sát, điều tra các vấn đề liên quan làm cho người nghiên cứu cần tìm kiếm thông tin gặp rất nhiều khó khăn.

2.1.2. Một số kết quả hoạt động NCKH

Chính nhờ những định hướng, chủ trương, chính sách động viên của lãnh đạo Nhà trường nên công tác NCKH của Nhà trường trong những năm qua có những thành quả nhất định, cụ thể như sau:

Bảng 4. Số lượng đề tài KH&CN của CBGV (2006 – 2012)

TT	Năm	Đề tài cấp Cơ sở	Đề tài cấp Tỉnh	Đề tài cấp Bộ	Tổng
1	2006	53	0	3	**56**
2	2007	33	0	9	**42**
3	2008	48	0	6	**54**
4	2009	42	0	8	**50**
5	2010	52	0	5	**57**
6	2011	124	6	2	**132**
7	2012	119	1	1	**121**
Tổng cộng		**471**	**7**	**34**	**512**

(Nguồn: Phòng NCKH, Trường ĐHĐT)

Bảng 5. Số lượng các bài báo của CBGV (2006 – 2012)

TT	Năm	Bài báo đăng tạp chí ở trong nước	Bài báo đăng tạp chí ở ngoài nước	Bài báo đăng Hội nghị, Hội thảo	Tổng
1	**2006**	21	1	25	**47**
2	**2007**	44	3	72	**119**
3	**2008**	27	10	47	**84**
4	**2009**	90	14	44	**148**
5	**2010**	41	12	78	**131**
6	**2011**	88	7	92	**187**
7	**2012**	150	9	222	**381**
Tổng cộng		**461**	**56**	**580**	**1097**

(Nguồn: Phòng NCKH, Trường ĐHĐT)

So với nhiều trường đại học khác, hoạt động NCKH của Trường ĐHĐT trong thời gian qua chưa thật cao, kết quả chưa được như mong muốn. Tỷ lệ đề tài trên tổng số CBGV còn thấp, số lượng đề tài cấp Tỉnh còn ít.

2.2. Nguyên nhân của thực trạng

2.2.1. Nguyên nhân của những thành công

Qua phần khảo sát đánh giá thực trạng trên, chúng ta có thể thấy rõ trong thời gian qua, hoạt động NCKH và công tác quản lý đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, thành tích đó là kết quả tác động của những yếu tố sau:

Về quan điểm chỉ đạo, Nhà trường đã chú trọng hoạt động NCKH, coi đó là một mảng công tác quan trọng thường xuyên để góp phần phát triển Nhà trường. Do vậy đã có sự theo dõi, chỉ đạo đáng kể, tạo thành nề nếp bước đầu trong CBGV.

Về biện pháp quản lý, các cấp quản lý ở Trường đã thực hiện các chức năng quản lý đầy đủ dù chưa được nhất quán và đồng bộ. Đặc biệt, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống văn bản, hướng dẫn thực hiện hoạt động KH&CN rõ ràng, cơ bản đủ cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các hoạt động KH&CN.

Về nguồn lực, có một nguồn vốn vô cùng quí giá là lực lượng CBGV hùng hậu, nhiều người có tâm huyết và trình độ, năng lực giảng dạy chuyên môn, tự giác tích cực trong hoạt động NCKH làm nòng cốt. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện, tài liệu, thông tin phục vụ NCKH được tăng cường đáng kể so với giai đoạn trước.

Trong thời gian qua, ngoài việc tiếp tục tìm kiếm những vấn đề nghiên cứu trong hiện thực hoạt động của nội bộ Nhà trường, Trường ĐHĐT đã nỗ lực nhận và hoàn thành tốt một

số đề tài cấp Bộ. Đó là chưa kể một số CBGV bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ và luận văn Thạc sĩ. Ở những đề tài này, ngoài sự nỗ lực làm việc nghiêm túc của người trực tiếp nghiên cứu phải kể đến sự quan tâm theo dõi, chỉ đạo sít sao của lãnh đạo Nhà trường và sự hỗ trợ kinh phí, phương tiện, tài liệu đáng kể của đề tài. Trong hoạt động NCKH thường niên ở Trường, một số đơn vị đã có nhiều tiến bộ. Một nguyên nhân dẫn đến thành công ở các đơn vị đó là lãnh đạo đơn vị, cụ thể là chủ nhiệm khoa và các tổ trưởng đã đầu tư tâm sức, có nhiều biện pháp chỉ đạo, động viên kịp thời. Kinh nghiệm cho thấy những bộ phận có kế hoạch chặt chẽ sít sao và bám sát quản lý quy trình hoạt động thì đạt được tiến bộ rõ rệt.

2.2.2. Nguyên nhân về hạn chế và những việc chưa làm được

Hoạt động KH&CN nói chung và NCKH nói riêng của Nhà trường cũng còn những hạn chế là:

- Một số chưa nhận thức được rằng NCKH là một trong hai hoạt động quan trọng nhất của người CBGV. Một số CBGV tiến hành các đề tài NCKH theo kiểu chiếu lệ.

- Tinh thần hợp tác với nhau, giúp đỡ nhau trong hoạt động NCKH. Nhiều CBGV có trình độ cao chưa tập hợp, qui tụ các CBGV trẻ khi triển khai các đề tài. Ngược lại, CBGV trẻ còn e dè, ngại ngùng học hỏi hay tranh thủ sự giúp đỡ của những CBGV lâu năm, có kinh nghiệm.

- Số lượng CBGV tham gia NCKH chưa nhiều *(cụ thể ở Bảng 4).*

- Chưa tham gia thực hiện các đề tài, dự án trọng điểm cấp Bộ, cấp Nhà nước, cũng như chưa tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương và khu vực.

- Hoạt động chuyển giao công nghệ chỉ dừng lại ở mức áp dụng trong phạm vi Nhà trường vì các đề tài NCKH thường nghiên cứu trong phạm vi hẹp hoặc kết quả nghiên cứu chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đưa vào triển khai áp dụng phục vụ sản xuất và đời sống hoặc giải quyết các vấn đề của thực tiễn tại địa phương.

- Hoạt động KH&CN là một hoạt động khó thúc đẩy phát triển, đội ngũ cán bộ chuyên gia đầu ngành tham gia các hoạt động nghiên cứu còn thiếu và còn nhiều hạn chế về năng lực nghiên cứu, CBGV của Nhà trường đang trong giai đoạn đi học nâng cao trình độ nên số CBGV còn lại phải giảng dạy nhiều.

2.3. Một số vấn đề đặt ra

2.3.1. Xác định và xây dựng một nhận thức đúng đắn về hoạt động NCKH đối với giáo dục đại học

Yếu tố nhận thức đóng vai trò rất to lớn. Việc xác định và xây dựng một nhận thức đúng đắn về hoạt động NCKH đối với giáo dục đại học là thực sự quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc. Mỗi CBGV phải luôn tâm niệm rằng đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu, mở rộng và cập nhật tri thức, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn vừa là trách nhiệm, vừa là nhiệm vụ của mỗi người, là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy đối với mỗi cơ sở

giáo dục đại học. Quá trình phát triển của một trường đại học là quá trình sàng lọc gắt gao, nếu không có ý thức học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn sẽ tự mình đào thải mình ra khỏi guồng máy đang vận hành ấy. Sự hỗ trợ, tạo điều kiện của tập thể, đơn vị là cần thiết, song nhận thức và sự vận động của mỗi cá nhân vẫn là chủ yếu.

2.3.2. Đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động NCKH

Bên cạnh việc củng cố và phát huy những cơ sở tiền đề, những thành quả của công tác quản lý NCKH của Nhà trường trước đây, Trường ĐHĐT cần phải đổi mới và nâng cao hiệu quả, qui mô công tác tổ chức và quản lý hoạt động NCKH phù hợp với chức năng, nhiệm vụ ngày càng nâng cao của Nhà trường. Nhà trường quản lý, tổ chức, xây dựng mối quan hệ tương hỗ về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực NCKH với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ, khai thác nguồn vốn, xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và quốc tế về NCKH.

Nhà trường là cầu nối để các bộ phận chức năng trong Nhà trường hướng đến việc học tập kinh nghiệm quản lý, quản trị KHCN của các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để từ đó từng bước đẩy mạnh các hoạt động triển khai NCKH gắn liền với yêu cầu thực tế xã hội, tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội khu vực Đồng bằng sông Cửu Long phù hợp với mục tiêu, định hướng chủ yếu của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới.

2.3.3. Khai thác thế mạnh tiềm năng của địa phương phục vụ cho hoạt động NCKH

Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Đồng Tháp nói riêng có điều kiện tự nhiên thuận lợi, lực lượng lao động khá dồi dào, có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh... Từ những lợi thế trên, yêu cầu lớn đặt ra cho Nhà trường là làm sao khai thác tốt hơn và hợp lý hơn tiềm năng của địa phương phục vụ cho công tác đào tạo đội ngũ có trình độ cho khu vực. Trường ĐHĐT phải khai thác hết lợi thế và phát huy vai trò là trung tâm NCKH phục vụ cho công tác đào tạo, hoạch định chính sách kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương và chiến lược phát triển của các tổ chức xã hội, kinh doanh của các doanh nghiệp. Trường sẽ là một trong những cái nôi của các công trình nghiên cứu lớn về kinh tế, về văn hóa – xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là ở Đồng Tháp.

2.4. Giải pháp tăng cường hoạt động NCKH

2.4.1. Nâng cao nhận thức cho CBGV về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường đại học

Thường xuyên và liên tục làm cho CBGV trong Nhà trường nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường đại học là yếu tố quyết định sứ mệnh của Nhà trường, yếu tố quyết định nâng cao chất lượng đào tạo. Để tiến hành giải pháp này cần thực hiện các công việc sau:

- Giáo dục tư tưởng, quán triệt nhiệm vụ đối với hoạt động NCKH cho mọi thành viên của Nhà trường: thông qua đợt học chính trị đầu năm học, qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các

hội nghị, hội thảo... lãnh đạo quán triệt nhiệm vụ NCKH cho CBGV, tuyên truyền về vai trò quan trọng của hoạt động NCKH đối với việc trao dồi năng lực nghề nghiệp của mỗi người và đối với sự nghiệp của Nhà trường. Đặc biệt, tổ chức áp dụng ngay các kết quả NCKH vào trong hoạt động dạy học và công tác để mọi người thấy rõ ích lợi của hoạt động NCKH.

- Nên phong phú hóa các hình thức sinh hoạt KH như mời các nhà KH tên tuổi nói chuyện thời sự KH, tổ chức các câu lạc bộ KH theo chuyên đề một cách sinh động. Xây dựng môi trường lao động mô phạm trong sáng, tạo không khí cạnh tranh lành mạnh thúc đẩy hoạt động NCKH phát triển thành phong trào thường xuyên trong CBGV.

- Bằng nhiều hình thức khác nhau, kết hợp với các tổ chuyên môn, khoa, phòng làm cho mọi thành viên trong Nhà trường hiểu sâu sắc về ý nghĩa tầm quan trọng của hoạt động NCKH đối với phát triển của Nhà trường.

- Tổ chức cho CBGV học tập các quyết định, nghị quyết, thông tư, chỉ thị của Quốc hội, Nhà nước, Ngành về hoạt động KHCN của trường đại học trong giai đoạn hiện nay một cách kịp thời, hiệu quả, thiết thực.

- Cán bộ quản lý, các cấp uỷ Đảng, chính quyền là người tiên phong, mẫu mực nhận thức và thực hiện nhiệm vụ NCKH trong lời nói cũng như việc làm.

2.4.2. Đổi mới quản lý và đa dạng hoá nguồn kinh phí NCKH

Đổi mới quản lý và đa dạng hoá nguồn kinh phí để phát triển hoạt động KHCN nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng và tăng nguồn vốn cho hoạt động KHCN. Điều đó cũng có nghĩa là nguồn vốn được sử dụng tốt hơn và với nguồn vốn tăng lên có thể chủ động hơn trong việc chọn hướng nghiên cứu và đáp ứng nhiều hơn cho yêu cầu thực tiễn. Việc nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn thể hiện ở cải tiến qui trình cấp phát, kiểm tra, quyết toán và phải đảm bảo yêu cầu cấp và chi đúng mục đích, cấp đủ, kịp thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người được cấp sử dụng kinh phí đích thực phục vụ nghiên cứu vừa đảm bảo thực hành tiết kiệm. Đưa tỉ lệ kinh phí dành cho nghiên cứu phục vụ sản xuất nhiều hơn. Trong lĩnh vực hoạt động KHCN, Trường phải năng động thực hiện đa dạng hoá hình thức, phương thức trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ để tạo thêm nguồn kinh phí. Để đảm bảo nguồn tài chính phục vụ các hoạt động KHCN, bên cạnh nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, cần thu hút các nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế, các chương trình phát triển kinh tế của địa phương, các doanh nghiệp, từ cộng đồng và đặc biệt từ các chương trình KHCN của địa phương phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế xã hội.

Các nội dung công việc cần thực hiện trong giải pháp này là:

- Xây dựng kế hoạch tài chính cụ thể cho từng năm, từng nhiệm vụ khoa học có kiểm tra trên cơ sở khối lượng thực hiện và kế hoạch kinh phí.

- Chọn các đối tác thực hiện hoặc đối tác được hưởng lợi của các đề tài dự án phù hợp để đảm bảo có nguồn đối ứng từ phía họ và đảm bảo tính khả thi hơn của nhiệm vụ khoa học.

- Xây dựng các dự án cụ thể phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của địa phương qua các tổ chức quốc tế để được thực hiện.

- Hàng năm, Nhà trường đầu tư nghiên cứu thăm dò và mạnh dạn chủ động tham gia đề xuất các nhiệm vụ KH cho tỉnh theo các yêu cầu của tỉnh *(qua Sở KH&CN)* phù hợp với năng lực của mình. Xây dựng các đề cương chi tiết cho các nhiệm vụ KH đã được tỉnh phê duyệt để tham gia tuyển chọn và được tuyển chọn là cá nhân đơn vị chủ trì thực hiện các đề tài, đề án dự án khoa học của tỉnh. Tập trung vào các lĩnh vực mà Trường có thế mạnh như khoa học giáo dục, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường,...

2.4.3. Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật hợp lý trong hoạt động NCKH

Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật hợp lý trong NCKH là việc làm cần thiết để tăng thêm động lực, kích thích hứng thú hoạt động NCKH cho mọi người, góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH và đảm bảo công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ cho mọi bộ phận và cá nhân trong đơn vị.

Các nội dung công việc cần thực hiện trong giải pháp này là:

- Hàng năm, trong hội nghị tổng kết hoạt động NCKH của CBGV, nêu gương những cá nhân và đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH, thực hiện khen thưởng bằng tinh thần và vật chất cũng như kỷ luật đúng mức đối với những người và bộ phận không hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao.

- Để có chế tài cụ thể về vấn đề này, Nhà trường cần lấy ý kiến của CBGV và thông qua hội nghị công nhân viên chức đầu năm, quy định thực hiện thống nhất trong toàn Trường. Trong đó, phải định rõ mức thưởng tương ứng với thành tích, quy mô, cấp của các đề tài. Đặc biệt, phải khuyến khích đúng mức những đề tài có phạm vi tác dụng ảnh hưởng lớn đối với thực tiễn nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và sự phát triển của Nhà trường. Nên có nhiều giải thưởng, mức thưởng phải có ý nghĩa đáng kể, ngoài ra có thể có thêm các phần thưởng khuyến khích khác như đề tài có ý tưởng độc đáo nhất, đề tài thiết thực nhất, tác giả trẻ nhất...

- Nhà trường cần có các hình thức phê bình, kỷ luật nghiêm khắc đối với những cá nhân và tập thể chưa hoàn thành nhiệm vụ NCKH, hoàn thành chậm hoặc sản phẩm NCKH có chất lượng thấp do thiếu nỗ lực hay vì các nguyên nhân chủ quan của tác giả.

2.4.4. Tổ chức quản lý các hướng NCKH gắn với yêu cầu của địa phương

Để hoạt động NCKH của Trường đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương thì ngoài cơ sở về tiềm lực quản lý quá trình hoạt động thì việc xác định hướng nghiên cứu đúng là hết sức quan trọng. Nếu hướng nghiên cứu phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội thì việc thực hiện đề tài chắc chắn thành công và đặc biệt có ý nghĩa là sau khi nghiệm thu kết thúc đề tài thì đơn vị, cá nhân thực hiện được sở hữu là một công nghệ hoặc một qui trình kỹ thuật có thể chuyển giao nào đó.

Các nội dung công việc cần thực hiện trong giải pháp này là:

- Nhà trường tự xác định hướng nghiên cứu của mình, trước hết tiến hành nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai về những vấn đề nhằm mục tiêu tăng cao chất lượng đào tạo, để không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

- Đồng thời với định hướng trên, Nhà trường có trách nhiệm NCKH phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm: đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học giáo dục; ứng dụng và chuyển giao KHCN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn... Thực hiện hoạt động nghiên cứu này thông qua các hợp đồng nghiên cứu với các tổ chức kinh tế xã hội, các ngành và các địa phương, cũng như thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án mà Nhà nước giao hoặc tổ chức sản xuất kinh doanh trên cơ sở các thành quả NCKH của Trường...

- Xây dựng chiến lược cụ thể về NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường gắn với định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long , đặc biệt của tỉnh Đồng Tháp.

- Mở thêm các mã ngành đào tạo mới phù hợp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nâng cao chất lượng đào tạo nhằm rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn để có đủ tiềm lực có các hướng NCKH mới theo ngành đào tạo mà địa phương cần.

- Xác định cụ thể các lĩnh vực nghiên cứu, các loại hình nghiên cứu ưu tiên phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, cần hướng tới những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện nghiêm túc kỹ lưỡng công tác điều tra thực tiễn khi chọn chủ đề nghiên cứu, xác định đề tài nghiên cứu phải có ý nghĩa thực tiễn. Hàng năm đánh giá kết quả NCKH có các tiêu chí gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với nhu cầu của thực tiễn.

- Có kế hoạch làm việc và phối hợp giữa địa phương với Nhà trường, giữa Trường với các ngành trong tỉnh *(đặc biệt là các Sở KH&CN)* để nắm rõ yêu cầu của địa phương và yêu cầu địa phương đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu. Nhà trường cần phải tham gia các hoạt động văn hóa, chính trị, xã hội của địa phương như có thành viên ban chấp hành Đảng bộ, các đoàn thể chính trị xã hội của địa phương.

- Liên kết với các trường đại học trong nước đào tạo thêm các ngành mới mà địa phương có yêu cầu tiến tới chủ động chuyển thành ngành đào tạo mới của Nhà trường.

3. Kết luận

Trên cơ sở phân tích, đánh giá với những số liệu đã thu thập, bài viết đã làm rõ thực trạng hoạt động NCKH của CBGV. Hầu hết CBGV và cán bộ quản lý nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động NCKH của giảng viên trong trường đại học. Chất lượng hoạt động NCKH ngày càng được nâng cao và đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ, phục vụ cho công tác đào tạo đại học. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động NCKH là chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của Trường ĐHĐT, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu còn hạn chế.

Bài viết đã đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn và phát huy những lợi thế để thúc đẩy và phát triển các hoạt động NCKH của CBGV. Trong phạm vi một bài báo, chúng tôi chỉ tập trung các giải pháp nhằm tạo điều kiện về môi trường và các giải pháp mang

tính kỹ thuật để đẩy mạnh hoạt động NCKH. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tập trung phân tích và đề xuất các giải pháp quản lý để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động NCKH tại Trường ĐHĐT xứng đáng với tiềm năng và năng lực hiện có./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT *Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.*

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT *Về việc Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.

[3]. Chính phủ (2010), Chỉ thị 296/CT-TTg *Về việc đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2020*.

[4]. Trường ĐHĐT (2010), *Báo cáo thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ 2006 - 2010 và xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm 2011 - 2015 của Trường ĐHĐT.*

[5]. Trường ĐHĐT (2006), *Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSP Đồng Tháp đến 2020.*

[6]. Trường ĐHĐT (2008), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Trường ĐHĐT 5 năm xây dựng và phát triển.*

[7]. Trường ĐHĐT (2011), Quyết định số 352/2011/QĐ-ĐHĐT-KHCN *Về việc ban hành Quy định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường ĐHĐT.*

[8]. Trường ĐHĐT (2012), *Số liệu thống kê của phòng NCKH, Phòng Tổ chức - cán bộ, Trường ĐHĐT.*

Summary

The university has three main duties: teaching, conducting scientific research and serving the community in which teaching and conducting scientific research are the two basic ones. This article, therefore, aims to evaluate the reality of scientific researching activities of the officers and lecturers in Dong Thap University in period of 2006 - 2012 to propose solutions to promote these activities more and more effectively.

Ngày nhận bài: 18/12/2012; ngày nhận đăng: 28/10/2013.